



**PHỤ LỤC**  
**CHI TIẾT 20 LÔ ĐẤT (CÒN LẠI CỦA KHU VỰC 2 VÀ KHU VỰC 4) TẠI KHU ĐÔ THỊ**  
**TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH HUYỆN HẢI LĂNG (CŨ). TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ NGÀY 29/8/2026**

(Kèm theo Thông báo đấu giá quyền sử dụng đất số: 77/TB-CTĐGBM ngày 04/8/2026;  
Quy chế cuộc đấu giá số: 77/QC-CTĐGBM ngày 04/8/2026 của Công ty đấu giá hợp danh Bảo Minh)

| STT              | Số lô | Số TĐĐ ĐC | Số thửa | Vị trí lô đất                | Tổng Diện tích lô đất (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng) | Tiền đặt trước (đồng) | Tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng) | Ghi chú                               |
|------------------|-------|-----------|---------|------------------------------|-----------------------------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------|
| <b>Khu vực 2</b> |       |           |         |                              |                                         |                      |                       |                                            |                                       |
| 1                | 35    | 36        | 875     | Mặt tiền đường nội thị 13m   | 210,4                                   | 1.009.920.000        | 300.000.000           | 200.000                                    |                                       |
| 2                | 37    | 36        | 877     | Mặt tiền đường Hà Huy Tập    | 241,2                                   | 2.604.960.000        | 700.000.000           | 200.000                                    | giao với đường Trương Công Kính 15,5m |
| 3                | 38    | 36        | 878     | Mặt tiền đường Hà Huy Tập    | 197,8                                   | 1.780.200.000        | 400.000.000           | 200.000                                    |                                       |
| 4                | 39    | 36        | 879     | Mặt tiền đường Hà Huy Tập    | 197,8                                   | 1.780.200.000        | 400.000.000           | 200.000                                    |                                       |
| 5                | 40    | 36        | 880     | Mặt tiền đường Hà Huy Tập    | 197,8                                   | 1.780.200.000        | 400.000.000           | 200.000                                    |                                       |
| 6                | 41    | 36        | 881     | Mặt tiền đường Hà Huy Tập    | 197,7                                   | 1.779.300.000        | 400.000.000           | 200.000                                    |                                       |
| 7                | 42    | 36        | 882     | Mặt tiền đường Hà Huy Tập    | 240,7                                   | 2.599.560.000        | 700.000.000           | 200.000                                    | Giao với đường nội thị 13m            |
| <b>Khu vực 4</b> |       |           |         |                              |                                         |                      |                       |                                            |                                       |
| 8                | 65    | 36        | 883     | Mặt tiền đường nội thị 15,5m | 232,0                                   | 1.753.920.000        | 400.000.000           | 200.000                                    | giao với đường Trương Công Kính 15,5m |

|                         |    |    |     |                                             |                |                       |             |         |                                       |
|-------------------------|----|----|-----|---------------------------------------------|----------------|-----------------------|-------------|---------|---------------------------------------|
| 9                       | 66 | 36 | 884 | Mặt tiền đường nội thị 15,5m                | 195,0          | 1.228.500.000         | 300.000.000 | 200.000 |                                       |
| 10                      | 67 | 36 | 885 | Mặt tiền đường nội thị 15,5m                | 195,0          | 1.228.500.000         | 300.000.000 | 200.000 |                                       |
| 11                      | 68 | 36 | 886 | Mặt tiền đường nội thị 15,5m                | 195,0          | 1.228.500.000         | 300.000.000 | 200.000 |                                       |
| 12                      | 69 | 36 | 887 | Mặt tiền đường nội thị 15,5m                | 195,0          | 1.228.500.000         | 300.000.000 | 200.000 |                                       |
| 13                      | 70 | 36 | 888 | Mặt tiền đường nội thị 15,5m                | 195,0          | 1.228.500.000         | 300.000.000 | 200.000 |                                       |
| 14                      | 72 | 36 | 890 | Mặt tiền đường nội thị 15,5m                | 195,0          | 1.228.500.000         | 300.000.000 | 200.000 |                                       |
| 15                      | 73 | 36 | 891 | Mặt tiền đường nội thị 15,5m                | 195,0          | 1.228.500.000         | 300.000.000 | 200.000 |                                       |
| 16                      | 74 | 36 | 892 | Mặt tiền đường nội thị 15,5m                | 195,0          | 1.228.500.000         | 300.000.000 | 200.000 |                                       |
| 17                      | 75 | 36 | 893 | Mặt tiền đường nội thị 15,5m                | 195,0          | 1.228.500.000         | 300.000.000 | 200.000 |                                       |
| 18                      | 76 | 36 | 894 | Mặt tiền đường nội thị 15,5m                | 231,3          | 1.748.628.000         | 400.000.000 | 200.000 | giao với đường Nguyễn Huệ 15,5m       |
| 19                      | 77 | 36 | 895 | Mặt tiền đường Nguyễn Hữu Mai quy hoạch 13m | 240,2          | 1.660.262.000         | 400.000.000 | 200.000 | giao với đường Trương Công Kính 15,5m |
| 20                      | 83 | 36 | 901 | Mặt tiền đường Nguyễn Hữu Mai quy hoạch 13m | 195,0          | 1.123.200.000         | 300.000.000 | 200.000 |                                       |
| <b>Tổng cộng: 20 lô</b> |    |    |     |                                             | <b>4.136,9</b> | <b>30.676.850.000</b> |             |         |                                       |